

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

KỶ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

(BÁO CÁO QUÝ IV NĂM 2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN

CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	2 - 4
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 31 tháng 12 năm 2012	5 - 6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp 31 tháng 12 năm 2012	7 - 8
5. Báo cáo vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2012	10 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

CK - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ IV

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		146,102,308,831	142,771,121,589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		71,898,521,518	35,231,682,315
1. Tiền		111	V.1	71,898,521,518	35,231,682,315
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		32,927,485,449	15,871,039,670
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	33,663,974,738	19,561,568,636
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(736,489,289)	(3,690,528,966)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		39,728,467,620	89,789,178,965
1. Phải thu khách hàng		131		-	-
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	461,970,700	242,282,700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		134	V.5	29,645,361,126	83,319,093,275
5. Các khoản phải thu khác		135	V.6	10,151,194,458	6,294,681,017
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.7	(530,058,664)	(66,881,027)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
1. Hàng tồn kho		141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1,547,834,244	1,879,220,639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8	195,774,126	114,907,420
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	115,678,627
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	171,528,690
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.12	1,352,060,118	1,477,105,902

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 01 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62,744,159,043	52,624,643,450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21,955,207,040	26,419,401,603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4,198,148,154	5,903,862,051
<i>Nguyên giá</i>	222		15,145,330,522	15,066,282,522
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10,947,182,368)	(9,162,420,471)
2. Tài sản cố định thuê-tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	17,757,058,886	20,515,539,552
<i>Nguyên giá</i>	228		31,307,626,930	30,107,626,930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13,550,568,044)	(9,592,087,378)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37,000,000,000	22,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	17,000,000,000	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	20,000,000,000	22,000,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,788,952,003	4,205,241,847
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	970,984,850	1,615,740,244
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2,401,667,153	2,047,831,603
4. Tài sản dài hạn khác	268		416,300,000	541,670,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208,846,467,874	195,395,765,039

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Ký báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 01 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		45,082,534,806	33,747,382,199
I. Nợ ngắn hạn	310		45,082,214,621	33,744,124,264
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	1,096,708,614	1,447,563,252
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15&16	70,000,000	118,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16&17	480,520,342	53,641,020
5. Phải trả người lao động	315		404,649,894	305,118,068
6. Chi phí phải trả	316		781,685,648	846,625,208
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1,173,022,428	1,236,989,240
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.18	38,703,614,070	28,016,833,095
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		73,900	73,900
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1,000	1,000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		45,346,483	65,346,483
13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	V.20	2,326,592,242	1,653,632,998
14. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		320,185	3,257,935
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		320,185	3,257,935
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163,763,933,068	161,648,382,840
I. Vốn chủ sở hữu	410		163,763,933,068	161,648,382,840
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	161,000,000,000	161,000,000,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	271,963,694	271,963,694
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	271,963,694	271,963,694
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	2,220,005,680	104,455,452
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208,846,467,874	195,395,765,039

Phụ trách kế toán



Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2011	Quý VI/2012	Kỳ trước	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9,564,394,310	7,168,085,635	38,819,778,263	30,775,802,098
<i>Trong đó</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4,195,179,473	802,756,331	9,953,350,269	6,390,437,744
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2,365,981,000	1,140,984,400	3,130,229,047	4,031,607,031
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		175,909,091	1,246,139,454	1,409,318,184	1,552,139,455
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-	-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1,124,065,921	1,468,778,189	3,486,783,257	3,431,918,204
- Doanh thu khác	01.9		1,703,258,825	2,509,427,261	20,840,097,506	15,369,699,664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		9,564,394,310	7,168,085,635	38,819,778,263	30,775,802,098
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	3,614,551,257	1,187,628,650	11,498,242,423	5,327,377,865
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		5,949,843,053	5,980,456,985	27,321,535,840	25,448,424,233
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	5,908,979,277	4,727,839,625	26,939,148,566	22,442,149,862
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40,863,776	1,252,617,360	382,387,274	3,006,274,371
8. Thu nhập khác	31	VI.3	6,321,346	23,507,452	142,485,717	42,358,794

Báo cáo này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2011	Quý VI/2012	Kỳ trước	Kỳ này
9. Chi phí khác	32	VI.4	57,436,804	-	243,736,599	12,821,292
10. Lợi nhuận khác	40		(51,115,458)	23,507,452	(101,250,882)	29,537,502
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10,251,682)	1,276,124,812	281,136,392	3,035,811,873
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4		370,309,578	176,680,940	920,261,645
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(10,251,682)</u>	<u>905,815,234</u>	<u>104,455,452</u>	<u>2,115,550,228</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				6	131

Phụ trách kế toán



Dương Thu Hà

Hà Nội, Ngày 14 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2012	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,035,811,873	281,136,392
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,743,242,563	6,123,899,354
- Các khoản dự phòng	03		(2,954,039,677)	101,170,753
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,509,427,261)	(265,251,398)
- Chi phí lãi vay	06			4,631,642,891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,315,587,498	10,872,597,992
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35,600,254,526	55,077,205,228
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11,335,152,607	(63,314,959,128)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		563,888,688	999,947,043
- Tiền lãi vay đã trả	13			(4,631,642,891)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(378,423,377)	(1,509,757,952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			100,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			(742,025,910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50,436,459,942	(3,148,635,618)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,279,048,000)	(3,759,407,703)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			100,965,367
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(15,000,000,000)	(18,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			15,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,509,427,261	265,251,398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,769,620,739)	(6,393,190,938)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 03 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2012	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(35,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(3,967,860,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(38,967,860,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		36,666,839,203	(48,509,686,556)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	35,231,682,315	83,741,368,871
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	71,898,521,518	35,231,682,315

Phụ trách kế toán


Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc

**Đoàn Ngọc Hoàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2012

I. DẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các đơn vị trực thuộc được tổng hợp Báo cáo gồm: Hội sở, CN Hồ Chí Minh, CN Thanh Hóa, CN Nghệ An, CN Đồng Nai
(Ghi chú : Bắt đầu từ 01/09/2012 Chi Nhánh Nghệ An và Chi Nhánh Thanh Hóa đóng cửa)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3- 5
Tài sản cố định khác	5

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 - 8 năm.

6. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Chi phí thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị tra lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	269,901,661	282,118,999
Tiền gửi Ngân hàng	32,925,005,787	4,192,802,995
Tiền gửi của nhà đầu tư	38,703,614,070	30,756,760,321
Cộng	71,898,521,518	35,231,682,315

2. Tình hình đầu tư ngắn hạn**2.1 Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán tự doanh**

Số đầu năm	19,561,568,636
Tăng trong kỳ	12,550,712,800
Giảm trong kỳ	7,448,306,698
Số cuối kỳ	24,663,974,738

2.2 Tình hình nắm giữ chứng khoán tự doanh

	Số lượng		Giá trị	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Công ty niêm yết	55,291	309,272	1,146,954,738	8,469,548,636
- VCG	28,664	17,162	655,133,400	540,235,400
- HTI	10,000	10,000	207,866,000	207,866,000
- Các cổ phiếu khác	16,627	282,110	283,955,338	7,721,447,236
Công ty chưa niêm yết	1,722,501	480,001	23,517,020,000	11,092,020,000
Cổ phiếu	1,722,500	480,000	23,516,020,000	11,091,020,000
- Cty CP Nhựa Việt nam	50,000	50,000	525,000,000	525,000,000
- Cty CP May Việt Tiến	30,000	30,000	966,020,000	966,020,000
- Cty CP Đ.Tư PT Bắc Minh	400,000	400,000	9,600,000,000	9,600,000,000
- Cty CP ĐT & TV R. Vàng	500,000		5,000,000,000	
- Cty CP ĐT & TV TG Vàng	742,500		7,425,000,000	
Trái phiếu	1	1	1,000,000	1,000,000
- UNI	1	1	1,000,000	1,000,000
	1,777,792	789,273	24,663,974,738	19,561,568,636

2.1 Đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	-
Tăng trong kỳ	15,000,000,000
Giảm trong kỳ	6,000,000,000
Số cuối kỳ	9,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh

	31/12/2012	01/01/2012
Số đầu năm	3,690,528,966	3,791,699,719
Trích lập dự phòng bổ sung	283,530,238	3,573,705,510
Hoàn nhập dự phòng	-3,237,569,915	-3,674,876,263
Số cuối kỳ	736,489,289	3,690,528,966

4. Các khoản ứng trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Cty TNHH Kiểm toán Việt Nam AVA	60,000,000	50,000,000
Cty Cổ Phần Phần Mềm Sao Mai	93,900,000	93,900,000
Các khoản phải thu khác	308,070,700	98,382,700
Cộng	461,970,700	242,282,700

5. Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu về dịch vụ hỗ trợ khách hàng	1,631,124,820	2,880,268,388
Phải thu hợp tác đầu tư hoạt động chứng khoán	20,289,834,927	73,758,948,877
Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	486,156,100	896,756,100
Phải thu ký quỹ chứng khoán	7,172,464,252	5,717,338,883
Phải thu khác	65,781,027	65,781,027
Cộng	29,645,361,126	83,319,093,275

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu HĐKD cổ phiếu của phòng OTC	3,828,963,927	4,316,220,150
Phải thu Công ty vàng Toàn Cầu	167,676,000	167,676,000
Phải thu khác	6,154,554,531	1,810,787,867
Cộng	10,151,194,458	6,294,684,017

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2012	01/01/2012
Số đầu năm		66,881,027
Tăng trong kỳ		518,291,387
Giảm trong kỳ		55,113,750
Số cuối kỳ		530,058,664

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí thuê nhà		14,000,000
Chi phí khác	195,774,126	100,907,420
Cộng	195,774,126	114,907,420

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. Chi phí trả trước dài hạn.

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
CF trả trước dài hạn	648,694,415	258,033,005	399,611,859	507,115,561
CF CCDC chờ phân bổ	303,419,203	39,064,100	282,965,476	59,517,827
CF T.lập của chi nhánh	453,489,991	10,000,000	246,733,229	216,756,762
CF sửa chữa chi nhánh	210,136,635	115,303,800	137,845,735	187,594,700
Cộng	1,615,740,244	422,400,905	1,067,156,299	970,984,850

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4,989,099,600	8,561,691,688	1,515,491,234	15,066,282,522
Tăng trong kỳ	-	47,698,000	31,350,000	79,048,000
Giảm trong kỳ	-	-	-	0
Số cuối kỳ	4,989,099,600	8,609,389,688	1,546,841,234	15,145,330,522
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1,015,521,001	7,036,352,167	1,110,547,303	9,162,420,471
Tăng do khấu hao	755,722,939	825,797,326	203,241,632	1,784,761,897
Giảm trong kỳ	13,414,041	-	-	13,414,041
Số cuối kỳ	1,757,829,899	7,862,149,493	1,313,788,935	10,947,182,368
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2012	3,973,578,599	1,525,339,521	404,943,931	5,903,862,051
Tại ngày 30/09/2012	3,231,269,701	747,240,195	233,052,299	4,198,148,154

11. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	30,107,626,930	1,200,000,000	-	31,307,626,930
Giá trị hao mòn	9,592,087,378	4,158,480,666	200,000,000	13,550,568,044
Giá trị còn lại	20,515,539,552	-	2,758,480,666	17,757,058,886

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	1,337,060,118	1,462,105,902
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15,000,000	15,000,000
Cộng	1,352,060,118	1,477,105,902

13. Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cty CP Trường Thi TH	-	20,000,000,000		20,000,000,000
Cty CP Điện lực Miền Bắc	17,000,000,000			17,000,000,000
Cty CP Tư vấn Rồng Vàng	5,000,000,000		5,000,000,000	
Số cuối kỳ	22,000,000,000	20,000,000,000	5,000,000,000	37,000,000,000

14. Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Phòng TM & Công nghệ Việt Nam (VCCI)	971,077,614	1,433,273,252
Các đối tượng khác	125,631,000	14,290,000
Cộng	1,096,708,614	1,447,563,252

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Licogi 19	50,000,000	50,000,000
Các đối tượng khác	20,000,000	68,000,000
Cộng	70,000,000	118,000,000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	141,963	509,900,380	451,971,600	58,070,743
Thuế thu nhập cá nhân	1,412,395	138,690,146	132,446,778	7,655,763
Các loại thuế khác	52,086,662	979,814,343	987,416,747	44,484,258
Tổng cộng	53,641,020	1,628,404,869	1,571,835,125	110,210,764

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế TNDN nộp thừa đầu năm	-171,528,690
Số thuế phải nộp trong kỳ	920,261,645
Số thuế đã nộp trong kỳ	378,423,377
Số cuối kỳ	370,309,578

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng

	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả Sở GD chứng khoán	24,433,076,000	4,932,494,000
Phải trả tổ chức & các nhân khác	14,270,538,070	23,084,339,095
Cộng	38,703,614,070	28,016,833,095

19. Phải trả phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	119,197,353	134,454,107
Bảo hiểm xã hội	140,438,259	92,656,694
Bảo hiểm y tế	28,503,518	20,388,587
Bảo hiểm thất nghiệp	11,240,708	7,217,888
Phải trả phải nộp khác	873,642,590	982,271,964
Cộng	1,173,022,428	1,236,989,240

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2012	01/01/2012
Doanh thu chưa thực hiện tiền thuê nhà	2,326,592,242	1,653,632,998
Cộng	2,326,592,242	1,653,632,998

21. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Số PS tăng	Số PS giảm	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của CSH	161,000,000,000	-	-	161,000,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	271,963,694	-	-	271,963,694
Quỹ dự phòng TC	271,963,694	-	-	271,963,694
Lợi nhuận chưa PP	104,455,452	2,115,550,228	-	2,220,005,680
Tổng cộng	161,648,382,840	2,115,550,228	0	163,763,933,068

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Số PS quý IV
Chi phí môi giới chứng khoán	139,921,558
Chi phí hoạt động tự doanh CK	0
Chi phí dịch vụ tư vấn	73,626,046
Chi phí lưu ký chứng khoán	106,000,000
Chi phí dự phòng giảm giá CK	-30,138,856
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	391,030,983
Chi phí kinh doanh khác	507,188,919
Cộng	1,187,628,650

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Số PS quý IV
Chi phí nhân viên quản lý	1,444,809,730
Chi phí đồ dùng văn phòng	49,639,466
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	0
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,280,318,102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,607,675,054
Chi phí bằng tiền khác	345,397,273
Cộng	4,727,839,625

3. Thu nhập khác

	Số PS quý IV
Thu thanh lý nhượng bán CCLD	0
Thu nhập khác	23,507,452
Cộng	23,507,452

4. Chi phí khác

	Số PS quý IV
Chi phí khác	0
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	370,309,578
Cộng	370,309,578

Phụ trách kế toán



Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn